

## KIM SÁCH TRIỀU NGUYỄN

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

### TÓM TẮT

Bài viết nói về các cuốn sách làm bằng kim loại (vàng, bạc mạ vàng, đồng...). Dấu tích sách tìm được từ thế kỷ XV - XVI tới đầu thế kỷ XX, với số lượng còn lại khá ít. Kim sách thời Nguyễn thường ghi lời vua ban phẩm tước cho những người thuộc hoàng gia (Hoàng hậu, Hoàng tử, Công chúa...) và một số quan lại cấp cao - Kim sách có một số giá trị chân xác về lịch sử (ít nhất liên quan tới tầng lớp thượng tầng) và nay là những hiện vật văn hóa rất quý hiếm.

**Từ khóa:** kim sách; nguyên cấp; cải cấp.

### ABSTRACT

The paper mentions some metal books (gold, gold coated silver, bronze etc). There are a few books remained from 15th, 16th to 20th centuries. Golden books in Nguyễn dynasty usually wrote king's orders to royal family members and some high ranking officers. Golden books have historical truths (at least for high ranking people), and now become precious cultural artifacts.

**Key words:** golden book; original artifact; restoration.

Về nguồn gốc kim sách ở Việt Nam, đến nay chưa phát hiện được quyển kim sách nào thời Lý, Trần. Thời vua Lê Thánh Tông, hiện biết có 2 quyển sách đồng ghi niên hiệu Hồng Đức. Một quyển hiện đang ở kho Bảo tàng Lịch sử quốc gia, ghi niên hiệu Hồng Đức, với nội dung là một bản chúc thư của một gia tộc người thiểu số. Một quyển khác là sách đồng *Cầu Không từ ký*, hiện lưu giữ tại đền Cầu Không, xã Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Qua văn tự thì sách được khắc thời gian chế tác vào năm thứ 3, niên hiệu Hồng Đức đời vua Lê Thánh Tông (1472). Nội dung sách cho biết sự kiện vua Lê Thánh Tông được vị thần ở ngôi đền trên cầu thuộc địa phận Cầu Không, huyện Nam Xang (Xương) ứng mộng giúp đánh thắng Chiêm Thành năm 1470. Sau khi thắng trận, vua ra lệnh làm cầu, trùng tu đền thần, đặc ban việc thờ tự, khắc vào sách đồng để ghi nhớ<sup>1</sup>.

Gần đây, PGS.TS. Đinh Khắc Thuân (Viện Nghiên cứu Hán Nôm) đã công bố phát hiện một quyển sách đời Mạc, niên hiệu Cảnh Lịch<sup>2</sup>.

Hình thức kim sách thời Mạc cũng giống kim sách thời Nguyễn, bìa trang trí rồng dập nổi (5 móng), gáy sách có 4 lỗ để khâu 4 vòng làm thành

dây đóng sách. Theo PGS.TS. Đinh Khắc Thuân cho biết, kim sách thời Mạc làm bằng đồng mạ vàng.

Về cơ bản, nội dung kim sách thời Mạc (kể trên) cũng tương tự kim sách triều Nguyễn: mở đầu ghi niên hiệu vua, năm, tháng, ngày; tiếp theo là ca ngợi phẩm hạnh, đạo đức người được ban kim sách và tước vị được phong.

Theo nguyên văn chữ Hán (qua bản đánh máy vi tính của PGS. TS. Đinh Khắc Thuân), chúng ta biết đây là kim sách của vua thứ 3 triều Mạc là Tuyên Tông Mạc Phúc Nguyên (1547 - 1564) phong cho bà Mạc Ngọc Thanh làm Hoàng thúc Khiêm Vương phi.

Ngoài ra, gần đây, một số nhà nghiên cứu còn nhắc tới kim sách tại chùa Đậu (Thường Tín, Hà Nội), lăng mộ Quận công họ Tài (La Tinh, Hà Đông, Hà Nội), đều mang niên đại thế kỷ XVII...

Trong sưu tập bảo vật triều Nguyễn lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia hiện còn 94 quyển kim sách làm bằng vàng và bạc mạ vàng, do Ngự xưởng tạo tác theo lệnh của vua để ban phong kèm theo kim bảo, kim tỷ,... khi liên quan đến một sự kiện như chúc thọ, mừng thọ cho các Hoàng hậu, Thái hậu, Hoàng Thái hậu, ban phong cho Thái tử...

Trong mục “Bửu sách của Hoàng thượng”, sách *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ tục biên* có đoạn chép: “Năm Ất Dậu niên hiệu Đồng Khánh (1885), tâu được chuẩn: Kính chiếu lệ trước đây trong lễ tấn quang, tôn nhân và đình thần có dâng lên kim sách (gồm 7 tờ 2 trang bằng vàng 9 tuổi, nặng 100 lạng) cùng khối vàng lễ mừng (100 lạng vàng 10 tuổi). Gắn đây, Nam, Bắc chưa được yên ổn, quốc khố chưa dồi dào, việc đúc tạo cũng cần đến. Kim sách này xin đổi làm bạc mạ vàng (ngang, dài, cao, rộng chiếu theo kích cỡ cũ mà làm”<sup>3</sup>.

Nay kiểm tra thực tế, chúng tôi thấy, kim sách được tạo tác bằng vàng 10 tuổi, kích thước dài 27-28cm; rộng từ 13,7 - 15,5cm. Mỗi cuốn kim sách từ 5 - 7 tờ, mỗi tờ 2 trang, đặt trong 1 hộp bạc hình chữ nhật, kích thước (28 x 18,5 x 6,5)cm (tất nhiên mỗi hộp đựng kim sách có kích thước gia giảm ít nhiều).

Kim sách do Ngự xưởng chế tạo theo quy chuẩn về kích thước, trọng lượng, với trang trí hoa văn rồng hay phượng đập nổi cùng điểm hỏi văn hoa chanh, hoa sen và sóng nước rất chi tiết, tỷ mỹ.

Kim sách là từ ghép Hán - Việt, vì tra trong *Tự điển Trung Quốc*, như *Khang Hy tự điển*, *Từ Hải*, không thấy có từ “Kim sách”. Nhìn vào mặt chữ, chúng ta thường hiểu “Kim sách” là quyển sách bằng vàng. Thực ra, “Kim” là loại kim thuộc, chỉ vàng, bạc, đồng... Trong kim thuộc, vàng là quý nhất rồi đến bạc, đồng... Thống kê trong số 94 kim sách đang lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử quốc gia, gồm 50 quyển bằng vàng, 43 quyển bằng bạc mạ vàng và 01 quyển bằng bạc không mạ vàng.

Sở dĩ sách bạc phải mạ vàng vì màu vàng còn là màu tượng trưng cho vua, Hoàng tộc, Cung đình.

Về cụm từ “Kim sách đổi cấp” thường gọi là “cải cấp”. Đây là trường hợp sách bằng vàng, bạc đổi bằng sách đồng (đồng sách). Ngoài những kim sách đặc biệt quan trọng nêu trên, còn có nhiều kim sách ban phong tước cho Hoàng tử, Thân vương trong Hoàng tộc nhà Nguyễn. Số lượng này chúng ta không biết được bao nhiêu nhưng chắc chắn là nhiều. Vì các Hoàng tử của vua Gia Long, Thiệu Trị rất đông, riêng vua Minh Mệnh đã có 142 người con. Con cháu trong Hoàng tộc quá đông, để đặt tên khỏi trùng lặp nhau nên vua Minh Mệnh phải ban ra 20 bộ chữ gốc, từ đó con cháu thuộc các chi phái căn cứ vào đó mà đặt tên. Số Hoàng tử nói riêng được phong tước không phải ít. Nghĩa là số kim sách gia bảo

trong Hoàng tộc cũng rất nhiều. Dưới triều Tự Đức, năm 1862, triều đình nhà Nguyễn phải ký với Pháp một hiệp ước mà theo đó triều Nguyễn phải bồi thường cho Pháp một khối lượng lớn vàng bạc. Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ tục biên* có đoạn chép: “Năm Tự Đức thứ 22 (1869), tâu được chuẩn: Các loại ngân sách, ấn, quan phòng của các Hoàng thân, Công chúa xin cho đem nộp để nấu chảy đúc thành thỏi để dùng. Nhưng theo mẫu đổi đúc lại bằng đồng để tiện cho đời đời lưu giữ”<sup>4</sup>.

Ngân khố không đủ, nợ Pháp kéo dài, nhà vua đã ra lệnh cho các Hoàng thân, Công chúa phải nộp lại kim sách rồi “cải cấp” thành sách đồng (bản gốc kim sách thu giữ lại, rồi cho khắc lại nguyên văn trên sách đồng để ban cấp)<sup>5</sup>.

Cho đến nay, theo các tài liệu công bố thì loại sách đồng này còn được lưu giữ ở nhiều bảo tàng và địa phương trong nước theo 2 dạng sách đồng “cải cấp” và “nguyên cấp”.

Ở Bảo tàng Mỹ Thuật Cung đình Huế còn lưu giữ 5 quyển sách đồng, trong đó có 3 quyển “cải cấp”, 2 quyển “nguyên cấp”.

Sách đồng “cải cấp” có 2 phần: phần đầu sao chép sách văn của thời trước, với niên đại cụ thể, phần cuối khắc niên đại của năm cấp lại và ghi rõ là sách “cải cấp”. Chẳng hạn, cuốn sách đồng “cải cấp” ở Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế có 5 tờ, khổ (13 x 21)cm, niên đại năm 1859 của Hoàng tử thứ 52 Điện Quốc công Nguyễn Phước Miền Tĩnh (1830 - 1870) là con vua Minh Mệnh và Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Quyển kim sách này bằng bạc mạ vàng được cấp vào năm thứ 21 niên hiệu Minh Mệnh (1840), khi đó Miền Tĩnh 11 tuổi nhưng bị thu hồi vào năm 1858 và cấp lại sách đồng vào năm 1859, lúc đó ông 29 tuổi.

Ở bảo tàng huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam còn lưu giữ 3 quyển sách đồng loại “cải cấp”. Trong đó, một quyển cỡ (23 x 14)cm, niên đại năm 1858 của Kiến An công Nguyễn Phước Đài, một quyển khác cỡ (24 x 14,2)cm, niên đại năm 1864 của Kiến An Quận công Nguyễn Phước Lương Viên và một sách đồng khắc bài văn phong tước Kiến An vương cho Nguyễn Phước Hiệu, hoàng tử thứ 5 của vua Gia Long.

Ở Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh có 2 quyển sách đồng. Trong đó, một quyển cỡ (23,2 x 13,9)cm, niên đại năm 1878 tấn phong cho Thọ Xuân vương Nguyễn Phước Miền Đình, còn quyển



Kim sách thời Mạc (thế kỷ XVI) - Ảnh: Đinh Khắc Thuân

khác cỡ (21,7 x 13,2)cm, niên đại năm 1865 được cho là sách “nguyên cấp” vào đời vua Tự Đức...<sup>6</sup>.

*Về thể văn trong kim sách:* thông thường minh văn trên kim sách, ngoài một bài thơ, một bài tựa (đặt ở đầu sách), còn tất cả kim sách đều dùng thể biểu, tấu và dụ chỉ. Trước đây, khi vua tuyên bảo việc gì trong triều hoặc cho toàn dân trong nước biết thì viết chiếu, dụ chỉ... Đây là loại hình văn bản quan trọng vì nó vừa là mệnh lệnh của vua, vừa là chủ trương chính sách lớn của vương triều. Biểu tấu là thể loại văn cung đình, cũng gọi chung là chương sớ hoặc tấu chương, biểu thuộc về chương sớ. Một tờ biểu tức là một biểu chương, dâng lên vua để trình bày một sự việc, rõ ràng theo thứ tự. Tấu là tiến dâng lời lẽ để bàn việc lên vua, tức là các bản tấu sớ. Nói chung chiếu, dụ, biểu, tấu là những thể văn gắn liền với chính sự quốc gia. Nó mang ý nghĩa lịch sử và giá trị sử liệu cao.

*Về nội dung chính của các bài văn kim sách:* mỗi bài văn kim sách có nội dung cụ thể và là một văn

bản độc lập, mang ý nghĩa riêng. Chúng tôi chia kim sách trong sưu tập này làm các nhóm nội dung sau đây:

+ Dâng tôn hiệu, tên thụy cho các chúa Nguyễn (tổ tiên của các vua triều Nguyễn).

+ Dâng tôn hiệu, tên thụy cho các bà Vương phi, Hoàng hậu, Hoàng Thái hậu.

+ Tấn phong danh hiệu Hoàng Thái hậu, Vương hậu.

+ Tấn phong tước hiệu cho các Hoàng tử.

*Ý nghĩa quan trọng của kim sách,* phản ánh ý thức tư tưởng trị nước an dân của triều Nguyễn. Xuyên suốt nội dung của kim sách, chúng ta thấy rõ triều Nguyễn là vương triều quân chủ cuối cùng ở Việt Nam, song lại là triều đại tôn sùng đạo Nho nhất.

Trong đường lối trị nước của mình, các vua triều Nguyễn đều đặc biệt đề cao chữ Hiếu theo Nho giáo, tức là lấy đạo hết lòng thờ cha mẹ, tôn kính bậc trên, nhường nhịn anh em làm gốc rễ.

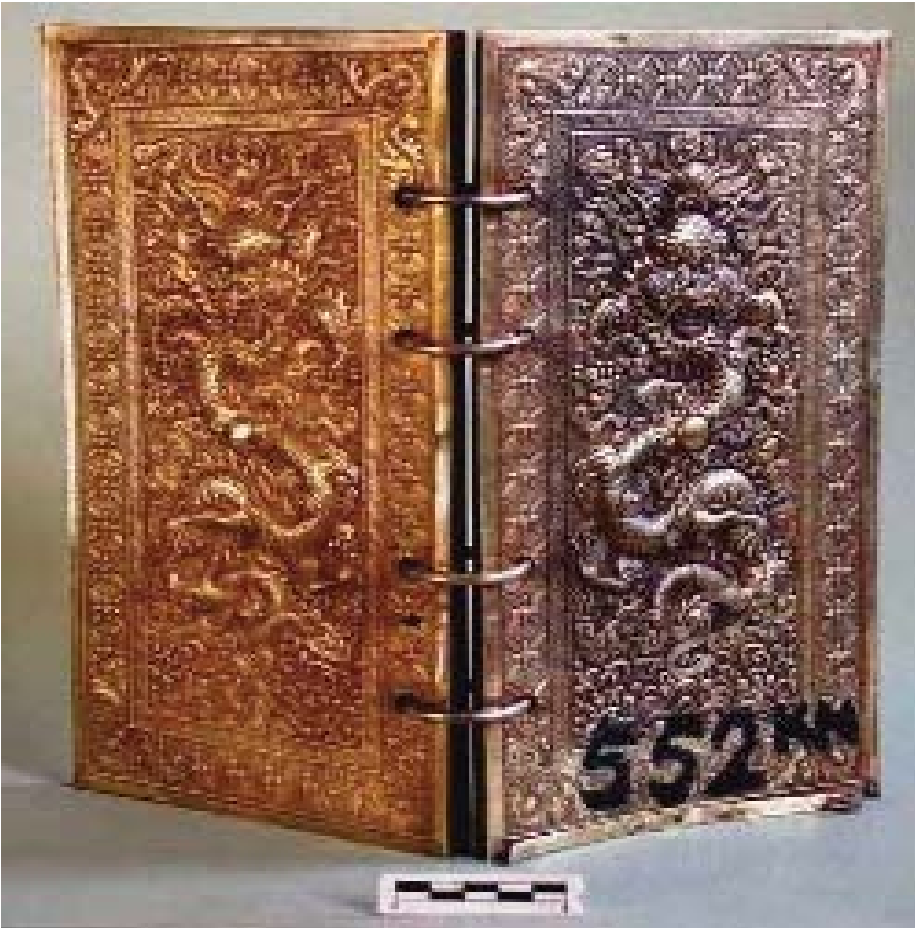
Trong văn bản kim sách sớm nhất (tháng 3 năm Quý Hợi, 1803), vua Gia Long tôn Vương Thái phi (Quốc mẫu) làm Vương Thái hậu. Minh văn có đoạn viết: “Từng nghe, đức lớn, đạo chính của bậc đế vương, không gì bằng hiếu. Ở trong nhà mà yêu kính cha mẹ thì phong hóa tràn ra cả nước, như thế gọi là đạt tới mức hiếu vậy...”.

Sau đây, chúng tôi giới thiệu bản dịch kim sách LSb.34871, khắc vào ngày 3 tháng 7 năm Gia Long 5 (1806), ghi lời tấu của vua Gia Long dâng tôn hiệu Hoàng Thái hậu cho mẹ để sau khi lên ngôi. Toàn văn như sau:

*Phiên âm:*

Duy Gia Long ngũ niên, tuế thứ Bính Dần thất nguyệt, Bính Ngọ sóc việt tam nhật. Mông tử tự Hoàng đế, thần Nguyễn Phúc Ánh khể thủ, đốn thủ tái bái cẩn thượng ngôn. Thượng ngôn, thiết văn, hiếu tất tiên ư lập ái, lễ mạc đại ư tôn thân, miến khảo thường kinh, túc huy thịnh điển. Khâm duy. Vương Thái hậu bệ hạ thực vấn bạc hiệp cao mại





Kim sách vua Bảo Đại lập Nam Phương Hoàng hậu năm 1934 - Ảnh: Tác giả

tiền cổ hậu đức ý hạnh di hiếm nhất trí hóa thức đình vi lợi thi xã tắc phúc di tử tính, trạch phi thần dân, tích công lũy nhân dĩ hữu kim nhật tứ thần phủ hiệp kiệm ngôn ký ung đế hiệu, thâm duy phát dục chi công, dữ. Thiên vô cực cảm bất suy sùng. Huy mĩ dĩ đáp hồng từ, cần suất quần thần phụng kim sách, kim bảo cung thượng tôn hiệu vi. Hoàng Thái hậu, phục duy quang thụ hồng xưng vĩnh tuy đa chỉ danh duy đức xứng trường mâu lưỡng diệu chi huy phúc, tự thiên thân ích diễn cửu như chi thọ. Thần bất thăng khánh hạnh chi chỉ, khể thủ, đốn thủ cần. Thượng ngôn.

*Dịch nghĩa:*

*Kính nghĩ! Gia Long năm thứ 5, Bính Dần (1806) tháng 7, ngày mồng 3. Người con đội ơn kế vị Hoàng đế, thân là Nguyễn Phúc Ánh, cúi đầu, rạp đầu vái lạy, kính cần dâng lời tâu. Thượng ngôn. Trộm nghe, hiểu trước hết phải có lòng yêu. Lễ không gì lớn hơn tôn kính cha mẹ. Xét theo phép thường đủ để nêu cao phép tắc lớn đẹp. Kính nghĩ, Vương Thái hậu bề hạ tiếng khen hiển thực rộng khắp, vượt cả đời xưa; đức dày, phẩm hạnh tốt đẹp, lúc vui vẻ, khó khăn cảnh ngộ nào vẫn như thế, làm khuôn mẫu nơi cửa nhà; lợi ích cho xã tắc,*

*phúc để cho con cháu, âm trạch ban cho thần dân, tích lũy lòng nhân, công đức để có ngày nay. Thần nghe theo lời các bày tôi, đã xưng đế hiệu. Nghĩ tới công nuôi dưỡng lớn rộng như trời biển, đâu dám không suy tôn kính trọng. Ca ngợi đẹp để báo đáp lòng nhân từ lớn lao. Kính cần dâng quần thần bưng sách vàng, ấn vàng, cung kính. Dâng tôn hiệu là Hoàng Thái hậu. Cúi nghĩ xin nhận lấy danh hiệu to, mãi mãi yên vui, phúc nhiều, danh xứng với đức, ánh sáng sánh ngang mặt trời, mặt trăng. Phúc tự trời ban, thọ mãi dài lâu như núi, như sông. Thần khôn xiết mừng vui hết lòng kính chúc. Cúi đầu, rạp đầu kính cần. Dâng lên lời tâu.*

Bản dịch kim sách LSb.34873, khắc vào ngày 29 tháng 12 năm Minh Mệnh 21 (1840) ghi lời tấu của quần thần trong triều dâng lên Hoàng Thái hậu cho Thái tử lên ngôi Hoàng đế. Toàn văn như sau:

*Phiên âm:*

Duy Minh Mệnh nhị thập nhất niên, tuế thứ Canh Tý, thập nhị nguyệt Đinh Tỵ sóc việt nhị thập cửu nhật Ất Dậu. Hoàng tử chư công, nội ngoại văn vũ đại, tiểu thần đẳng, khể thủ đốn thủ cần. Thượng ngôn. Thiết văn, quân trị chi, sư trưởng chi, thượng thiên hựu dân chi chí ý, hoàng đại dã, để để dã, Thánh nhân thụ mệnh chi hồng danh. Khâm duy, Hoàng Trưởng tử Trường Khánh công Điện hạ chấn sách khai tường. Căn nguyên hợp đức, phụng truyền tâm vu bảo huấn tập hy tác Thánh chi công, lịch thí chính vu thân đài, đôn mục tự luân chi hóa, khu cơ thời dự túc giản thần lý nhân hiếu trữ văn cửu phu cửu vọng. Tiên hoàng đế di lưu chi tế bằng kỷ đạo dương. Mệnh dĩ tự vị, thần đẳng khâm tuân trị mệnh cụ bản tấu văn. Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng Thái hậu, khâm phụng du chỉ dĩ niên dĩ đức xã tác trưởng quân, thị mệnh, thị thừa cổ kim chính lý. Kim thiên vị dĩ định, thần đẳng cần phụng. Sách

cung thượng Hoàng đế tôn hiệu. Phục nguyện thượng tư quốc gia trường viễn chi kế, hạ tuận thần dân suy đãi chi tình. Quang thụ sùng xưng tảo đảng bảo vị, suất tần đại biện ly minh kế chiếu vu tứ phương, diên bảo thụ dân, đĩnh mệnh vĩnh ngưng vu vạn dị. Thần đẳng bất thăng chiêm ngưỡng khánh hạnh chi chí cần. Thượng ngôn.

*Dịch nghĩa:*

“Kính nghĩ, Minh Mệnh năm thứ 21 (1480), tháng 12, ngày 29, các ông Hoàng tử, các quan văn võ lớn nhỏ trong triều, ngoài trấn bọn thần rập đầu kính cẩn dâng lên lời tấu. Trộm nghe, có vua để trị nước, có thầy để dạy dỗ trưởng thành. Trời có ý lớn giúp dân. Hoàng là lớn, vua là xem xét. Thánh nhân chịu mệnh trời danh hiệu to lớn. Kính nghĩ, Hoàng Trưởng tử Trường Khánh công Điện hạ<sup>8</sup>. Tim tòi mở đường tốt lành, đức hợp đạo trời. Vàng ghi lòng lời giáo huấn quý giá. Tiếp nối công lao sáng láng của Thánh chủ, trải qua thử thách việc nước ở giáo hóa bản thân, trên dưới trung hậu hòa thuận, nắm bắt thời cơ an vui với sách vở có sẵn, đức nhân hiếu trong cung tiếng vang rõ rệt, ngẩng trông tin tưởng từ lâu. Trong lúc Tiên hoàng đế<sup>9</sup> sắp mất, dựa vào bàn nói rõ việc kế vị. Bọn thần kính tuân theo mệnh lệnh viết bản tấu dâng lên. Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng Thái hậu<sup>10</sup> biết. Kính vâng dụ chỉ truyền bảo của Hoàng Thái hậu rằng Điện hạ đã đủ tuổi, đủ sức để làm vua Xả tặc<sup>11</sup> theo lệnh Tiên đế nối ngôi là lẽ chính đáng xưa nay. Nay ngôi vua đã định, bọn thần kính dâng. Sách vàng. Thượng. Tôn hiệu Hoàng đế. Cúi mong Điện hạ trên thì lo tính kế lâu dài cho quốc gia, dưới thì vì tình suy tôn của thần dân. Nhận lấy danh xưng cao cả. Sớm lên ngôi báu, tuân theo phép lớn, kế tiếp ánh sáng chiếu rọi bốn phương, nhận trách nhiệm giữ gìn nhân dân, cơ đồ bền vững đến muôn đời. Bọn thần khôn xiết kính cẩn hết mức ngửa trông phúc lớn. Dâng lời tâu lên” (Bản dịch của PGS.TS. Tạ Ngọc Liễn).

Đi kèm với đề cao đạo hiếu, triều Nguyễn đã giáo dục sâu sắc ý thức tông tộc, tức là ý thức duy trì củng cố dòng họ của mình. Trong sưu tập bảo vật triều Nguyễn lưu trữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia, kim sách là loại hình đặc biệt, có giá trị cao về lịch sử và văn hóa, là nguồn tài liệu đặc sắc, chứa đựng nhiều thông tin có giá trị giúp ta hiểu thêm về cung đình triều Nguyễn. Nội dung kim sách không chỉ phản ánh nội bộ về Hoàng tộc nhà

Nguyễn, mà còn thể hiện rõ ý thức hệ tư tưởng trong đường lối trị nước của triều Nguyễn.

Vương triều Nguyễn ở thế kỷ XIX đã phục dựng hệ tư tưởng Nho giáo và tôn sùng Nho giáo, tiếp nối truyền thống các triều đại quân chủ trước đó.

Trong sưu tập bảo vật triều Nguyễn có 94 kim sách là loại hình quan trọng nhất, linh thiêng nhất của Hoàng tộc nhà Nguyễn, được trân trọng cất giữ trong Hoàng cung (có thể để ở nhà Tông miếu, nơi thờ tổ tiên nhà vua, hay cung Hoàng hậu, cung Hoàng Thái tử...)<sup>12</sup>.

Kim sách triều Nguyễn là một loại hình hiện vật độc đáo, chẳng những có giá trị sử liệu rất quan trọng để nghiên cứu lịch sử vương triều Nguyễn, mà còn là đối tượng của nhiều ngành khoa học xã hội khác, như sử học, văn học, bảo tàng và mỹ thuật cổ truyền./

N.Đ.C

**Chú thích:**

- 1- Mai Khánh (1999), “Một quyển sách đồng ở Hà Nam”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 343.
  - 2- Giới thiệu trong “Di sản Hán Nôm thời Mạc”, *Đề tài cấp Bộ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, nghiệm thu vào cuối tháng 3 năm 2015 (Tạ Ngọc Liễn là phản biện 1)*.
  - 3- Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ tục biên*, tập 3, 4. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 197.
  - 4- Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Sổ*, tr. 199.
  - 5- Nguyễn Thị Hồng Dung (2009), “Cổ thư bằng đồng thời Nguyễn”, in trong *Cổ vật tinh hoa*, số 30, tr. 42 - 45.
  - 6- Đặng Văn Thắng và Nguyễn Hữu Công (2015), *Đồ đồng thời Nguyễn*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
  - 7- Nguyễn Phúc Ánh Gia Long là con ông Nguyễn Phúc Côn, cháu nội chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, thân mẫu Gia Long là bà Nguyễn.
  - Sau khi lên ngôi Hoàng đế, Gia Long tôn phong bà mẹ làm Hoàng Thái hậu, như nội dung ghi trong kim sách trên.
  - 8- Hoàng Trưởng tử Trường Khánh công là Nguyễn Phúc Miên Tông (1807 - 1847), tức vua Thiệu Trị, con trưởng vua Minh Mệnh. Năm 1830, được phong Trường Khánh công.
  - 9- Tiên Hoàng đế, tức vua Minh Mệnh.
  - 10- Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng Thái hậu, tức Thuận Thiên Cao Hoàng hậu, sinh ra Thánh Tổ Nhân Hoàng đế Minh Mệnh. Mẹ đẻ vua Thiệu Trị là Thuận Đức Nhân Hoàng hậu, họ Hồ. Thiệu Trị sinh được 13 ngày thì bà mẹ đẻ mất và Thuận Thiên Cao Hoàng hậu đem về nuôi trong cung. Năm 1820, vua Minh Mệnh cho xây cung Từ Thọ cho Thuận Thiên Cao Hoàng hậu. Năm 1837, bà Thuận Thiên Cao Hoàng hậu thọ 70, vua Minh Mệnh dâng sách vàng tôn xưng mẹ là Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng Thái hậu. Bà mất năm 1846, thọ 79 tuổi.
  - 11- Thời xưa triều đình quân chủ cho lập nền Xả để tế thần Hậu Thổ và nền Tắc để tế Thần Nông. Xả Tắc cũng có nghĩa là quốc gia, đất nước.
  - 12- Nguyễn Đình Chiến (2014), *Giải mã minh văn trên các bảo vật triều Nguyễn lưu trữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, tr. 23 - 33.
- (Ngày nhận bài: 22/10/2015; Ngày phản biện đánh giá: 29/10/2015; Ngày duyệt đăng bài: 06/11/2015).